



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Tổ kiểm nghiệm
Laboratory:	Laboratory
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung
Organization:	Sai Gon – Mien Trung Beer Joint Stock Company
Số hiệu/ Code:	VILAS 967
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Hoá, Sinh
Field:	Chemical, Biological
Người quản lý:	Nguyễn Thị Ngọc Xinh
Laboratory manager:	Nguyen Thi Ngoc Xinh
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Kể từ ngày /08/2026 đến ngày /08/2031
Địa chỉ:	Số 01 đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
Address:	No. 1, Nguyen Van Linh street, Tan An ward, DakLak province
Địa điểm:	Số 01 đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
Location:	No. 1, Nguyen Van Linh street, Tan An ward, DakLak province
Điện thoại/ Tel:	0262. 3877519
Email:	biasaigonmt.com
Website:	www. biasaigonmt.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 967

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch, nước nấu bia <i>Domestic water, brewing water</i>	Xác định pH <i>Determination of pH</i>	(2 ~ 12)	TCVN 6492: 2011
2.		Xác định độ đục <i>Determination of turbidity</i>	(0,1 ~ 2.000) NTU	US EPA Method 180.1 (1993)
3.		Xác định độ kiềm tổng số và độ kiềm composit <i>Determination of total and composite alkalinity</i>	0,4 mmol/L	TCVN 6636-1:2000
4.		Xác định tổng Canxi và Magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of the sum Calcium and Magnesium EDTA titrimetric method</i>	5 mg/L (CaCO ₃)	TCVN 6224:1996
5.		Xác định hàm lượng Clorua Chuẩn độ bạc nitrate với chỉ thị màu cromat (phương pháp MO) <i>Determination of Chloride content Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method)</i>	5 mg/L	TCVN 6194:1996
6.	Bia <i>Beer</i>	Xác định chỉ số I-ốt Phương pháp quang phổ <i>Determination of Iodine index Spectroscopic method</i>	(0,01 ~ 1,00)	MEBAK B-400.04.110, 2020
7.		Xác định độ đắng Phương pháp quang phổ <i>Determination of Bitterness Spectroscopic method</i>	(1,0 ~ 55) BU	Analytica – EBC Method 9.8,2020
8.		Xác định hàm lượng cồn Phương pháp quang phổ cận hồng ngoại <i>Determination of Alcohol content Near infrared spectroscopy method</i>	(0,37 ~ 8,77) %	Analytica – EBC Method 9.2.6,2008
9.		Xác định độ bền bọt Phương pháp máy đo NIBEM-T <i>Determination of foam stability NIBEM-T meter method</i>	(5 ~ 500) s	Analytica – EBC Method 9.42.1,2004

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 967**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Bia Beer	Xác định hàm lượng Carbon dioxide hòa tan Phương pháp giãn nở thể tích <i>Determination of dissolved Carbon dioxide content. Volume expansion method</i>	(2,4 ~ 6,2) g/L	Analytica – EBC Method 9.28.5,2008
11.		Xác định hàm lượng Diacetyl và các chất Dixeton khác Phương pháp quang phổ <i>Determination of Diacetyl and Diketones content Spectroscopic method</i>	0,03 mg/L	Analytica – EBC Method 9.24.1,2000

Ghi chú/Note:TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnamese National standard*US EPA: Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ / *United States Environmental Protection Agency*

Analytica-EBC: Hiệp hội các nhà máy bia châu Âu (EBC)/

Analytica – European Brewery Convention (EBC)

MEBAK: Ủy ban Phân tích Công nghệ Sản xuất Bia Trung Âu/

Mitteleuropäische Brautechnische Analysenkommission

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 967****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch, nước nấu bia, bia <i>Domestic water, brewing water, beer</i>	Định lượng Coliforms và <i>Escherichia coli</i> Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Coliforms and Escherichia coli Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1: 2019
2.		Định lượng tổng số vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of microorganisms Colony-count technique at 30°C</i>		TCVN 4884-1:2015
3.		Định lượng nấm men và nấm mốc. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0.95 <i>Enumeration of yeast and moulds Colony count technique in products with water activity greater than 0.95</i>		TCVN 8275-1: 2010

Ghi chú/Note:TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnamese National standard*

Trường hợp Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Sai Gon – Mien Trung Beer Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

